

Số: **1230/TH-TCHC**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2019

CBTT kết quả kiểm toán Nhà nước khu vực IV  
tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Trụ sở chính: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (08) 38 558 563 Fax: (08) 39 557 977

2. Người thực hiện công bố thông tin:

- Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Thị Cẩm Vân - Giám đốc.**

- Địa chỉ: 207 đường số 8, phường 4, Quận 8, TP.HCM

3. Loại thông tin công bố:

24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

4. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện điểm g khoản 1 Điều 9 của thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Công ty) công bố thông tin kết quả kiểm toán Nhà nước khu vực IV tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa theo thông báo số 10/TB-KV IV ngày 08/01/2019 (đính kèm)

5. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 15/03/2019 tại đường dẫn: [www.capnuoctanhhoa.com.vn](http://www.capnuoctanhhoa.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

❖ Đính kèm: thông báo số 10/TB-KV IV ngày 08/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV *qth*

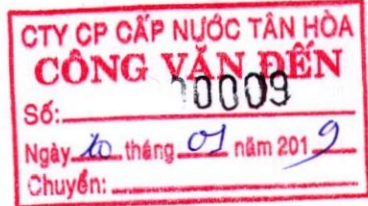
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Trần Thị Cẩm Vân

Số: 10 /TB-KV IV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2019



**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN  
TẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Thực hiện Quyết định số 1903/QĐ-KTNN ngày 11/9/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, Tổ kiểm toán số 1 thuộc Đoàn Kiểm toán nhà nước tại Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn của Kiểm toán nhà nước khu vực IV đã tiến hành kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa từ ngày 18/10/2018 đến ngày 29/10/2018.

Trên cơ sở kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị đối với đơn vị như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 18/11/2018 và xác nhận số liệu theo các Phụ lục số 03, 04, 05/TBKT-DN.

Sau đây là một số kết luận chủ yếu:

**1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính:**

Ngoại trừ những ảnh hưởng của phần giới hạn kiểm toán, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa lập ngày 02/3/2018 sau khi điều chỉnh theo kết quả kiểm toán, xét trên khía cạnh trọng yếu và trong phạm vi, giới hạn kiểm toán, đã phản ánh đúng đắn, trung thực tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả kinh doanh năm 2017 và tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN tại ngày 31/12/2017.

**2. Việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán và công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp:**

Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Quy chế quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ khác do Công ty xây dựng, ban hành và thực hiện. Năm 2017, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu: 9,34% và trên tổng tài sản: 2,38%. Tuy nhiên qua kiểm toán cho thấy Công ty đang quản lý 01 mặt bằng tại địa chỉ số 215 (số cũ 112/23) đường Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú với diện tích khuôn viên 430m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng 92m<sup>2</sup> chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa ký hợp đồng thuê đất.



## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 838/KTNN-TH ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và theo Công văn số 966 ngày 20/12 /2018 của Kiểm toán nhà nước/KV IV - TH gửi kho bạc nhà nước thành phố Hồ Chí Minh*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN.

**THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Đơn vị/Chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
I		0310350068			
1	Thuế nhà đất, tiền thuê đất		140.900.760	- Tăng tiền thuê đất còn phải nộp từ 26/7/2014 đến 31/12/2017 của mặt bằng số 215 đường Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>140.900.760</b>		

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng.

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số báo cáo</b>	<b>Số kiểm toán</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>206.931.919.399</b>	<b>206.931.919.399</b>	-
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>11.579.132.556</b>	<b>11.579.132.556</b>	-
1. Tiền	111	11.579.132.556	11.579.132.556	
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	0	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13.000.000.000	13.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>167.506.279.869</b>	<b>167.506.279.869</b>	-
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	163.929.877.587	163.929.877.587	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	540.297.500	540.297.500	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.036.104.782	3.036.104.782	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	-	
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14.236.219.357</b>	<b>14.236.219.357</b>	-
1. Hàng tồn kho	141	14.236.219.357	14.236.219.357	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>610.287.617</b>	<b>610.287.617</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	610.287.617	610.287.617	
2. Thuế GTGT được khấu trừ		0	0	
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	0	0	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>6.383.835.251</b>	<b>6.383.835.251</b>	-
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>245.169.000</b>	<b>245.169.000</b>	-
1. Trả trước người bán dài hạn	212	0	0	
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0	
3. Phải thu dài hạn khác	216	245.169.000	245.169.000	
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>3.188.424.353</b>	<b>3.188.424.353</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3.024.854.910	3.024.854.910	
- Nguyên giá	222	15.527.793.734	15.527.793.734	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(12.502.938.824)	(12.502.938.824)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	163.569.443	163.569.443	
- Nguyên giá	228	1.298.499.000	1.298.499.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(1.134.929.557)	(1.134.929.557)	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-
- Nguyên giá	231		0	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	0	0	
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	0	0	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	0	0	
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>2.950.241.898</b>	<b>2.950.241.898</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.837.282.037	2.837.282.037	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	0	0	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	112.959.861	112.959.861	
<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>213.315.754.650</b>	<b>213.315.754.650</b>	-
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>158.846.417.219</b>	<b>158.957.977.468</b>	<b>111.560.249</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>158.600.248.819</b>	<b>158.711.809.068</b>	<b>111.560.249</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	143.712.916.148	143.712.916.148	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	555.770.652	555.770.652	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.355.735.278	4.467.295.527	111.560.249
4. Phải trả người lao động	314	7.667.512.901	7.667.512.901	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	297.045.738	297.045.738	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	0	0	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	0	
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	2.011.268.102	2.011.268.102	

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>246.168.400</b>	<b>246.168.400</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0	
2. Phải trả dài hạn khác	337	246.168.400	246.168.400	
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	0	
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0	
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>54.469.337.431</b>	<b>54.357.777.182</b>	<b>(111.560.249)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>54.469.337.431</b>	<b>54.357.777.182</b>	<b>(111.560.249)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	93.553.000	93.553.000	
3. Cổ phiếu quỹ	415	(27.200.000)	(27.200.000)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	385.804.588	385.804.588	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.017.179.843	3.905.619.594	
- LNST chưa phân phối lũy kế của năm trước	421a	0	0	
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	4.017.179.843	3.905.619.594	(111.560.249)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431	0	0	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0	
<b>CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>213.315.754.650</b>	<b>213.315.754.650</b>	<b>(0)</b>

**Giải thích nguyên nhân chênh lệch:**

<b>1. Thuế và các khoản phải nộp NSNN tăng do:</b> Chi tiết tại phụ lục số 04/BBKT-DN	111.560.249
<b>3. Lợi nhuận sau thuế giảm do</b>	<b>111.560.249</b>
- Lợi nhuận năm 2014-2015 giảm do tăng chi phí tiền thuê đất từ 26/7/2014 - 31/12/2015 của mặt bằng số 215 đường Trần Thủ Độ, quận Tân Phú	45.254.009
- Lợi nhuận năm 2016 do tăng chi phí tiền thuê đất năm 2016 của mặt bằng số 215 đường Trần Thủ Độ, quận Tân Phú	33.153.120
- Lợi nhuận năm 2017 giảm do kết quả kiểm toán thay đổi	33.153.120

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2017**

Đơn vị tính: Đồng.

CHỈ TIÊU	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	262.265.223.239	262.265.223.239	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	262.265.223.239	262.265.223.239	0
4. Giá vốn hàng bán	11	241.589.218.522	241.589.218.522	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	20.676.004.717	20.676.004.717	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	755.115.060	755.115.060	0
7. Chi phí tài chính	22	0	0	
- Trong đó: Chi phí lãi vay		0	0	
8. Chi phí bán hàng	25	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.636.459.637	16.677.901.037	41.441.400
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30	4.794.660.140	4.753.218.740	(41.441.400)
11. Thu nhập khác	31	336.814.810	336.814.810	0
12. Chi phí khác	32	13.774.928	13.774.928	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	323.039.882	323.039.882	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.117.700.022	5.076.258.622	(41.441.400)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.100.520.179	1.092.231.899	(8.288.280)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	4.017.179.843	3.984.026.723	(33.153.120)

**Giải thích nguyên nhân chênh lệch:****1. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do:****41.441.400**

Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp do truy thu tiền thuê đất từ 01/01/2017 - 31/12/2017 của mặt bằng số 215 Trần Thủ Độ, quận Tân Phú

41.441.400

**2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm do: chi phí thay đổi theo kết quả kiểm toán****8.288.280**



## THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NSNN TẠI NGÀY 31/12/2017

## 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I	<b>Thuế</b>	<b>4.355.735.278</b>	<b>4.467.295.527</b>	<b>111.560.249</b>
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	3.380.182.881	3.380.182.881	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	840.876.569	811.536.058	(29.340.511)
	Thuế thu nhập cá nhân	134.675.828	134.675.828	
3	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	140.900.760	140.900.760
II	Các khoản phải nộp khác	0	0	
	<b>Tổng cộng I+II</b>	<b>4.355.735.278</b>	<b>4.467.295.527</b>	<b>111.560.249</b>
III	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		0	
	<b>Tổng cộng</b>			

## Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

<b>1. Thuế nhà đất, tiền thuê đất tăng do</b>	<b>140.900.760</b>
Tăng tiền thuê đất còn phải nộp từ 26/7/2014 đến 31/12/2017 của mặt bằng số 215 đường Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú	
<b>2. Thuế TNDN giảm do:</b>	<b>29.340.511</b>
- Giảm Thuế TNDN phải nộp 2014-2015 do tăng chi phí tiền thuê đất từ 26/7/2014 - 31/12/2015 của mặt bằng số 215 đường Trần Thủ Độ, quận Tân Phú	12.763.951
- Giảm Thuế TNDN phải nộp 2016 do tăng chi phí tiền thuê đất năm 2016 của mặt bằng số 215 đường Trần Thủ Độ, quận Tân Phú	8.288.280
- Thuế TNDN năm 2017 giảm do kết quả kiểm toán (chi tiết phụ lục số 03/BBKT-DN)	8.288.280